

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3 Số 242 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP HCM

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đã được kiểm toán

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KÊ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38 205.944 – 38 205.947; Fax: 38 205.942
E-mail: infor@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3 Số 242 Công Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính :	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014	06 -07
- Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014	08– 19

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3 Số 242 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán STSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014.

Công ty Cổ phần Chứng khoán STSC (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Tourist) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 92/UBCK- GP ngày 08 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; Và các Giấy phép điều chỉnh số 52/UBCK-GP ngày 23 tháng 09 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp về việc thay đổi trụ sở và tăng vốn điều lệ và Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc đổi tên Công ty và tên giao dịch Công ty; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 09 năm 2014 về thay đổi trụ sở chính : Lầu 3 số 242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp . Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: **318.710.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba trăm mười tám tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2014 như sau:

Cổ đông	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Du Lịch Hương Giang	11.600.000.000	3,64%
Các cổ đông khác	307.110.000.000	96,36%
Cộng	318.710.000.000	100,00%

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty : Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lầu 3 Số 242 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

Điện thoại : (08) 3.8.238.55

Fax : (08) 3.8.258.555

Mã số thuế : 0305696409

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường Số 02/2014/NQ-HĐCĐ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đã thông qua quyết định và kế hoạch giải thể Công ty Cổ phần Chứng khoán STSC theo quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này đòi hỏi được điều chỉnh số liệu hay công bố trên Báo cáo .

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 -2018

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Nghị Quyết HĐQT	Ngày quyết định
Ông Nguyễn Hữu Trang	Chủ tịch	01/2013/NQ-HĐQT	22/10/2013
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên		
Ông Trần Đăng Khoa	Thành viên		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3 Số 242 Công Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Nghị Quyết HĐQT	Ngày quyết định
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Tổng Giám Đốc	01/2013/NQ-HĐQT	22/10/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Nghị Quyết HĐQT	Ngày quyết định
Bà Dương Thị Minh Châu	Trưởng Ban	01/2013/NQ-ĐHĐCĐ	22/10/2013
Ông Trần Vương Duy Hiếu	Thành viên		
Bà Đặng Thủy Trang	Thành viên		

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng số liệu được thể hiện trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, phù hợp với các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 02 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hữu Tuấn
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán STSC

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán STSC
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán STSC

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán STSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015 từ trang 06 đến trang 19 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán STSC, phù hợp với các quy định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCs)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1091-2013-142-1

Công ty CP Chứng Khoán STSC

Số: 078.A/2015/C.K-STSC

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----/-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

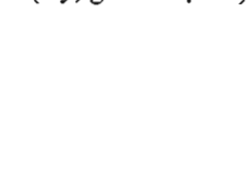
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hiền

Bộ phận Kiểm soát nội bộ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3, Số 242 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2014

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	I	24.776.389.299
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	II	7.715.061.335
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	III	27.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		59.491.450.634
5.	Vốn khả dụng	IV	151.151.723.904
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)		254,07%

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hiền

Bộ phận kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

I. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô tài sản	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
II. Trái phiếu Chính phủ				
1	Tiền	0%	7.452.545.356	
2.	Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	0%	18.000.000.000	
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%		
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3, Số 242 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

I. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
IV. Cổ phiếu				
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	6.082.465.840	608.246.584
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	2.462.610.100	369.391.515
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	15.162.504.000	4.548.751.200
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	35.000.000.000	17.500.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII. Chứng khoán khác				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

I. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		
18.	Các tài sản đầu tư khác	80%		
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
19.	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	SCB	10%	17.500.000.000	1.750.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG: (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				24.776.389.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

II. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán				1.185.580.000		1.185.580.000
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất					5.441.234.446	5.441.234.446
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%					
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%				0	
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)							
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1	Hợp đồng repo cổ phiếu SCB	20%		5.441.234.446		1.088.246.889	
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B-I+II-III)						7.715.061.335	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STSC

Địa chỉ: Lầu 3, Số 242 Cống Quỳnh, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

III- RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	11.453.033.844
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	1.508.798.909
	1. Chi phí khấu hao	577.137.009
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	931.661.900
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	9.944.234.935
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.486.058.734
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV, V))		27.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

IV- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	318.710.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	√		
3	Cổ phiếu quỹ	√		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	√		
5	Quỹ đầu tư phát triển	√		
6	Quỹ dự phòng tài chính	9.701.168.232		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	144.941.249		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	1.709.249.406		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	√		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	√		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	√		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			√
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		931.661.900	83.700
1A	Tổng			329.333.780.687
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		√	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu hoạt động ủy thác			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
2	Trả trước cho người bán		√	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

IV- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
5	Các khoản phải thu khác			-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác		180.554.309	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		134.163.129	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		3.391.180	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		43.000.000	
1B	Tổng			180.554.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

IV- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu của hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		√	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		√	
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		472.875.164	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		176.580.000.000	
1	Đầu tư vào công ty con		√	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		√	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		√	
4	Đầu tư dài hạn khác		176.580.000.000	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

IV- BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
V	Tài sản dài hạn khác		948.627.310	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		178.001.502.474	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A -1B -1C				151.151.723.904

Ghi chú :

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hiền

Bộ phận kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán STSC (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Tourist) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 92/UBCK- GP ngày 08 tháng 05 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; Và các Giấy phép điều chỉnh số 52/UBCK-GP ngày 23 tháng 09 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 01 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp về việc thay đổi trụ sở và tăng vốn điều lệ và Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc đổi tên Công ty và tên giao dịch Công ty; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 09 năm 2014 về thay đổi trụ sở chính : Lầu 3 số 242 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp . Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 318.710.000.000 đồng (Ba trăm mười tám tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

II Cơ sở trình bày:

1. Các văn bản pháp quy áp dụng:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

3. Đồng tiền trên báo cáo:

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

III Các nguyên tắc lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu:

1. Tỷ lệ vốn khả dụng:

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau:

$$\text{Vốn khả dụng} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

2. Vốn khả dụng:

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng được xác định theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010.

3. Tổng giá trị rủi ro:

Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.1. Giá trị rủi ro thị trường:

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

Rủi ro thị trường phải được xác định đối với các tài sản được quy định tại điều 8 – Mục 2 – Chương 2 - Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Công thức xác định giá trị rủi ro thị trường:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

- Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.
- Giá tài sản được xác định theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

3.2. Giá trị rủi ro thanh toán:

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điều 9 – mục 2 – Chương 2 Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Công thức xác định giá trị rủi ro thanh toán:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn}$$

theo đối tác rủi ro thanh toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

- Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn theo thời gian rủi ro thanh toán}$$

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của đối tác giao dịch theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được xác định căn cứ vào khoản thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

3.3. Giá trị rủi ro hoạt động:

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quy trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Tuấn